

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS- ST
Ngày 19-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Bá Đức
2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Kim Chăm – Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐST-DS ngày 08/02/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2018/QĐST-DS, ngày 02/3/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị E, sinh năm 1959; Nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; Nơi cư trú: khu phố 5, thị trấn M1, huyện M, tỉnh Bến Tre (Văn bản ủy quyền ngày 27/10/2017)

2. Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1976; Nơi cư trú: ấp N1, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh Nguyễn Văn P có mặt, anh Nguyễn Văn H vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị E đề ngày 23/10/2017 và tại bản khai cũng như phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Bà Nguyễn Thị E có cho anh Nguyễn Văn H vay số tiền 50.000.000 đồng, hai bên không có lập thành hợp đồng, nhưng mỗi lần vay anh H đều có viết biên nhận nhận tiền, thỏa thuận lãi suất vay 2%/tháng. Bà E là người trực tiếp giao tiền cho anh H nhận. Các lần vay cụ thể như sau:

+ Ngày 08/02/2017 bà E cho anh H vay số tiền 25.000.000 đồng, thỏa thuận 05 ngày sau sẽ thanh toán

+ Ngày 12/4/2017 bà E cho anh H vay số tiền 25.000.000 đồng, thỏa thuận 02 ngày sau sẽ thanh toán

Hết thời hạn theo thỏa thuận của các hợp đồng thì bà E nhiều lần yêu cầu anh H trả nợ gốc và tiền lãi nhưng anh H không thực hiện. Nay bà E khởi kiện yêu cầu anh H có nghĩa vụ trả cho bà E số tiền nợ còn thiếu là 56.750.000 đồng (Trong đó, nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 6.750.000 đồng), cụ thể như sau:

+ Tiền vốn là 25.000.000 đồng và tiền lãi tính lãi từ ngày 08/02/2017 đến ngày 08/3/2018 là 13 tháng theo mức lãi suất 1,125%/tháng với số tiền là 3.650.250 đồng

+ Tiền vốn là 25.000.000 đồng và tiền lãi tính lãi từ ngày 12/4/2017 đến ngày 12/3/2018 là 11 tháng theo mức lãi suất 1,125%/tháng với số tiền là 3.093.750 đồng

Bị đơn Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 28/11/2017 như sau: anh thừa nhận anh có vay của bà E 02 lần với số tiền 50.000.000 đồng, nhưng thỏa thuận lãi suất là 12%/tháng và anh đã nhiều lần trả vốn và lãi cho bà E với số tiền 70.000.000 đồng (trong đó tiền vốn gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 20.000.000 đồng). Quá trình vay bà E và anh có thỏa thuận lại mức lãi suất là 10%/tháng nên hiện tại anh chỉ còn nợ lại bà E là 4.000.000 đồng tiền lãi, còn tiền vốn anh đã thanh toán xong nên không đồng ý theo yêu cầu bà E.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; thông báo thụ lý vụ án đã gửi cho Viện kiểm sát đúng quy định; quá trình thu thập chứng cứ đúng quy định; thông báo giao nộp chứng cứ đúng quy định; kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định; nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như nguyên đơn nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Riêng bị đơn vắng mặt trong các lần hòa giải, công khai và tiếp cận chứng cứ cũng như xét xử nên đã vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn H trả số tiền vay còn thiếu là 56.750.000 đồng (Trong đó: nợ gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 6.750.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 23/10/2017 của bà Nguyễn Thị E đối với anh Nguyễn Văn H thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Xác định bà Nguyễn Thị E là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn H là bị đơn. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Anh Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại ấp N1, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn H

[2] Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay gốc là 50.000.000 đồng cho bà E, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày 08/02/2017 đến ngày 08/3/2017 đối với số tiền vay lần 1 là 25.000.000 đồng và tính từ ngày 12/4/2017 đến ngày 12/3/2018 đối với số tiền vay lần 2 là 25.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi Tòa án thụ lý đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; Anh H cho rằng anh đã trả cho bà E số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và Tòa án đã ra Thông báo về việc giao nộp chứng cứ nhưng anh H không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của anh là có cơ sở và anh cũng không có yêu cầu phản tố. Nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

Về lãi suất: Bà E cho rằng hai bên có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng nhưng anh H cho rằng anh và bà E thỏa thuận lãi suất là 12%/tháng và anh đã đóng lãi

được 20.000.000 đồng nhưng bà E không thừa nhận và anh H cũng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của anh là có căn cứ để Tòa chấp nhận. Xét yêu cầu tính lãi của bà E Hội đồng xét xử thấy rằng: giữa bà E và anh H thỏa thuận hợp đồng vay có lãi suất tuy nhiên hai bên không thống nhất về mức lãi suất đã thỏa thuận và tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết bà E yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng với số tiền là 6.750.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Cụ thể:

+ Tiền lãi của số tiền vay 25.000.000 đồng theo mức lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày 12/4/2017 đến ngày 12/3/2018 là : $25.000.000đ \times 1,125\% \times 13 = 3.656.250$ đồng.

+ Tiền lãi của số tiền vay 25.000.000 đồng theo mức lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày 08/02/2017 đến ngày 08/3/2018 là : $25.000.000đ \times 1,125\% \times 11 = 3.093.750$ đồng.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định:

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị E:

Buộc anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị E số tiền nợ vay còn thiếu là 56.750.000 đồng (Trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 6.750.000 đồng)

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch Nguyễn Văn H phải chịu là 2.837.500 đồng (Hai triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 1.348.000 đồng (Một triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị E theo biên lai thu số 0013021 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nội nhân:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Ngô Bá Đức

Phạm Văn Nam

Nguyễn Thị Hồng Diễm

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nguyễn Văn Hiền

Phạm Văn Nam

Nguyễn Thị Hồng Diễm